

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/TA-TCCB

V/v góp ý kiến dự thảo Quy chế xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Kính gửi:

- Chánh tòa Tòa chuyên trách, Trưởng phòng nghiệp vụ Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chánh án Tòa án nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột,

Thực hiện Công văn số 66/TANDTC-BTTr ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về việc đóng góp ý kiến dự thảo Quy chế xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân (lần thứ V).

Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh yêu cầu Chánh tòa các Tòa chuyên trách, Trưởng phòng nghiệp vụ Tòa án nhân dân tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức triển khai lấy ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, công chức đối với Dự thảo Quy chế xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân lần thứ V.

Góp ý dự thảo được gửi (chuyển phát nhanh hoặc trực tiếp) về Phòng Tổ chức cán bộ, thanh tra và thi đua khen thưởng trước ngày 10/3/2017; đồng thời gửi kèm file qua địa chỉ Email: phongtochuccanbotinhhdaklak@gmail.com để tổng hợp theo yêu cầu.

Nhận được công văn này, yêu cầu các đồng chí triển khai thực hiện đúng nội dung và thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCCB.

CHÁNH ÁN



[Handwritten signature]
Nguyễn Duy Hữu

Số: 66 /TANDTC-BTTr

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

V/v: góp ý kiến dự thảo Quy chế
xử lý trách nhiệm đối với người giữ
chức danh tư pháp trong các Tòa
án nhân dân

Kính gửi: - Các Đồng chí Thẩm phán Tòa án nhân tối cao;

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao;
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao;
- Chánh án Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	
ĐẾN	Số:.....346...../TA
	Ngày: 23/3/2017

Thực hiện chủ trương của Ban cán sự đảng và Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao về việc xây dựng “Quy chế xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân” tại Thông báo số 14/TB-VP ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân tối cao. Ban thanh tra Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng xong Dự thảo lần thứ IV và tổ chức lấy ý kiến góp ý của Tòa án nhân dân các cấp tại Hội nghị triển khai công tác năm 2017 của Tòa án nhân dân. Sau khi nhận được các ý kiến góp ý của Tòa án nhân dân các cấp, Ban soạn thảo đã nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý và hoàn thiện Dự thảo lần thứ V.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Ban soạn thảo trân trọng chuyển đến các đồng chí Dự thảo nêu trên để nghiên cứu, góp ý. Văn bản đóng góp ý kiến đề nghị gửi về Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao, số 262 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội, đồng thời gửi vào địa chỉ email: phongtonghopbanthanhtra@gmail.com trước ngày 15 tháng 3 năm 2017 để tổng hợp báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

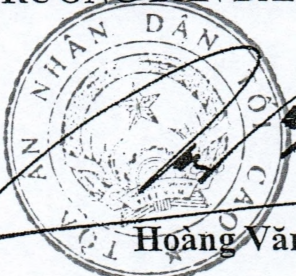
(Gửi kèm Công văn này là Dự thảo Quy chế xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý Dự thảo Quy chế của đại diện các Tòa án nhân dân tại Hội nghị triển khai công tác năm 2017 của các Tòa án nhân dân).

Xin trân trọng cảm ơn về sự phối hợp của các đồng chí./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Các Đồng chí PCA TANDTC (để báo cáo);
- Công TTĐT TANDTC (để đăng);
- Lưu: VP, BTTr (2).

T.L CHÁNH ÁN
T/M BAN SOẠN THẢO
TRƯỞNG BAN THANH TRA


Hoàng Văn Hồng

Số: 67 /TTr-BTTr

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý "DỰ THẢO QUY CHẾ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI GIỮ CHỨC DANH TỬ PHÁP TRONG CÁC TÒA ÁN NHÂN DÂN"

Kính gửi: Đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Bí thư Trung ương Đảng

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

I. QUA TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Thực hiện chủ trương của Ban cán sự đảng và Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao về việc xây dựng Dự thảo Quy chế xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân. Sau khi xây dựng xong Dự thảo, từ tháng 8 đến tháng 9/2016, Ban Thanh tra đã tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đồng chí Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, các đồng chí Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân các cấp. Dự thảo Quy chế đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao để công chức, viên chức và người lao động trong toàn hệ thống Tòa án tiếp cận, đóng góp ý kiến (Lần thứ nhất).

Qua đợt triển khai lấy ý kiến lần thứ nhất, Ban Thanh tra đã nhận được 73 ý kiến góp ý (bằng văn bản). Về cơ bản 73 ý kiến góp ý đều thống nhất chủ trương ban hành, hình thức, bố cục và nội dung Dự thảo. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện và sớm ban hành. Tuy nhiên, về nội dung Dự thảo vẫn còn 09 vấn đề có ý kiến khác nhau.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý lần thứ nhất, Ban Thanh tra đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo lần II. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tháng 12/2016, Ban Thanh tra tiếp tục tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đồng chí Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, các đồng chí Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân các cấp. Dự thảo Quy chế lần II cũng đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao. Việc xin ý kiến góp ý tập trung vào những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (Lần thứ hai).

Qua đợt triển khai lấy ý kiến lần thứ hai, Ban Thanh tra đã nhận được 68 ý kiến góp ý bằng văn bản của các đồng chí Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các đơn

vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án Quân sự và Tòa án nhân dân các cấp. Về cơ bản 68 ý kiến góp ý đều thống nhất chủ trương ban hành Quy chế, hình thức, bố cục và nội dung Dự thảo. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện và sớm ban hành. Về nội dung Dự thảo vẫn còn 06 vấn đề có ý kiến khác nhau.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Tòa án nhân dân, Ban Thanh tra đã tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo lần thứ III. Ngày 6/01/2017, Ban Thanh tra đã trình Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét và xin ý kiến góp ý đối với Dự thảo (*Lần thứ ba*).

Tiếp thu ý kiến góp ý của các đồng chí lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, các đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại phiên họp ngày 6/01/2017, Ban Thanh tra đã tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo lần thứ IV và tổ chức lấy ý kiến góp ý của các Tòa án nhân dân tại Hội nghị triển khai công tác năm 2017 của Tòa án nhân dân diễn ra từ ngày 12/01 đến ngày 14/01/2017.

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC TÒA ÁN NHÂN DÂN TẠI HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC NĂM 2017

Triển khai lấy ý kiến góp ý về nội dung Dự thảo tại Hội nghị triển khai công tác năm 2017 của các Tòa án nhân dân, Ban Thanh tra nhận thấy:

Tại Hội nghị về cơ bản ý kiến các Tổ thảo luận đều thống nhất với chủ trương của Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân.

1. Tổ thảo luận số 1 (do Đồng chí Nguyễn Sơn, Phó Chánh án TANDTC chủ trì) và 32 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Giang, Hà Tĩnh, Ninh Thuận, Long An, Quảng Bình. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 1 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 05 ý kiến đề nghị cân nhắc, nghiên cứu một số nội dung trong quá trình xây dựng Dự thảo.

2. Tổ thảo luận số 2 (do Đồng chí Nguyễn Văn Thuân, Phó Chánh án TANDTC chủ trì), tham gia thảo luận có Đồng chí Lương Ngọc Trâm, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và 26 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án Quân sự Trung ương, Tòa án quân sự cấp quân khu; Học viện Tòa án; Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Quảng Trị, Bình Thuận và Tiền Giang. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 2 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 06 ý kiến đề nghị nghiên cứu, làm rõ một số nội dung trong quá trình xây dựng Dự thảo.

3. Tổ thảo luận số 3 (do Đồng chí Nguyễn Thúy Hiền, Phó Chánh án TANDTC chủ trì), tham gia thảo luận có Đồng chí Nguyễn Văn Du Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và 25 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án nhân dân các tỉnh: Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Thừa Thiên Huế, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Tháp, Đắk Nông. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 3 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 05 ý kiến góp ý gửi đến Ban soạn thảo, đề nghị nghiên cứu trong quá trình xây dựng Dự thảo.

4. Tổ thảo luận số 4 (do Đồng chí Nguyễn Văn Hạnh, Phó Chánh án TANDTC, Chánh án Tòa án Quân sự Trung ương chủ trì), tham gia thảo luận có Đồng chí Đào Thị Xuân Lan, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và 27 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án Quân sự Trung ương; Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Bình Dương, An Giang, Khánh Hòa. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 4 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 03 ý kiến góp ý gửi đến Ban soạn thảo, đề nghị nghiên cứu trong quá trình xây dựng Dự thảo.

5. Tổ thảo luận số 5 (do Đồng chí Bùi Ngọc Hòa, Thẩm phán TANDTC, nguyên Phó chánh án TANDTC chủ trì) và 24 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án Quân sự Trung ương; Tòa án nhân dân các tỉnh: Hưng Yên, Hòa Bình, Quảng Nam, Bình Phước, Vĩnh Long, Lai Châu. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 5 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 03 ý kiến góp ý gửi đến Ban soạn thảo, đề nghị nghiên cứu trong quá trình xây dựng Dự thảo.

6. Tổ thảo luận số 6 (do Đồng chí Tống Anh Hào, Thẩm phán TANDTC, nguyên Phó Chánh án TANDTC chủ trì) và 22 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án Quân sự Trung ương; Tòa án nhân dân các tỉnh: Quảng Ninh, Điện Biên, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Trà Vinh, Lâm Đồng. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 6 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 04 ý kiến góp ý gửi đến Ban soạn thảo, đề nghị nghiên cứu trong quá trình xây dựng Dự thảo.

7. Tổ thảo luận số 7 (do Đồng chí Lê Văn Minh, Đồng chí Trần Văn Cò, Thẩm phán TANDTC chủ trì) và 22 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án Quân sự Trung ương; Tòa án nhân dân các tỉnh: Thái Bình, Hà Nam,

Sơn La, Bình Định, Tây Ninh, Kiên Giang. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 7 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 03 ý kiến góp ý gửi đến Ban soạn thảo, đề nghị nghiên cứu trong quá trình xây dựng Dự thảo.

8. Tổ thảo luận số 8 (do Đồng chí Đặng Xuân Đào, Thẩm phán TANDT chủ trì) và 27 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án Quân sự Trung ương; Tòa án nhân dân các tỉnh: Ninh Bình, Gia Lai, Bắc Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, Phú Yên. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 8 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành Dự thảo.

9. Tổ thảo luận số 9 (do Đồng chí Chu Xuân Minh, Thẩm phán TANDTC chủ trì) và 17 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án Quân sự Trung ương; Tòa án nhân dân các tỉnh: Nghệ An, Lào Cai, Kon Tum, Nam Định, Cà Mau, Thái Nguyên, Bến Tre. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 9 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 03 ý kiến góp ý gửi đến Ban soạn thảo, đề nghị nghiên cứu trong quá trình xây dựng Dự thảo.

10. Tổ thảo luận số 10 (do Đồng chí Nguyễn Trí Tuệ, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Thẩm phán TANDTC chủ trì) và 24 đại biểu đại diện cho các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án Quân sự Trung ương; Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Yên Bái, Phú Thọ, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Bạc Liêu. Đa số các ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân tại Tổ 1 đều thống nhất với chủ trương, sự cần thiết ban hành và nội dung của Dự thảo. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có 04 ý kiến góp ý gửi đến Ban soạn thảo, đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý lại một số nội dung cho phù hợp.

Như vậy, về cơ bản hầu hết ý kiến góp ý của đại diện các đơn vị thuộc các Tòa án nhân dân đều thống nhất về chủ trương, sự cần thiết ban hành Quy chế, hình thức, bố cục và nội dung Dự thảo lần IV. Các ý kiến góp ý của các Tòa án nhân dân, Ban soạn thảo đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình xây dựng Dự thảo lần thứ V.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ TIẾP THU

1. Có ý kiến đề nghị xây dựng chương riêng về quyền khiếu nại, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy, sửa trong trường hợp họ cho rằng bản án bị hủy, sửa không đúng pháp luật (Tổ 1).

Nội dung này, Dự thảo đã quy định tại Điều 10. Tuy nhiên, vấn đề trình tự, thủ tục kiến nghị xem xét lại Bản án, quyết định bị hủy, sửa của Thẩm phán cần thiết phải Quy định tại một Điều riêng để đảm bảo rõ ràng. Cụ thể, Điều 11 Dự thảo quy

định về trình tự thủ tục xem xét kiến nghị đối với bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

2. Có ý kiến cho rằng nhiều nội dung trong Dự thảo còn quy định chung chung định tính mà không có quy định cụ thể mang tính định lượng dẫn tới khó áp dụng trong thực tiễn. Ví dụ: như thế nào là “vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng”, “vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng”... (Tổ 1).

Về nội dung này, Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý bổ sung vào Dự thảo, đảm bảo thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, tránh sự tùy tiện trong việc đánh giá, xem xét xử lý kỷ luật, trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp có hành vi vi phạm pháp luật. Nội dung này, Dự thảo bổ sung quy định tại khoản 13 Điều 2, cụ thể như sau:

- “Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng” là hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị nhưng chưa gây thiệt hại về vật chất, tinh thần; hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi người giữ chức danh tư pháp công tác;

- “Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng” là hành vi vi phạm làm ảnh hưởng lớn đến quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần mà tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị dưới 50 triệu đồng; hoặc làm giảm uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi người giữ chức danh tư pháp công tác;

- “Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng” là hành vi vi phạm làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần mà tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; hoặc làm mất uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi người giữ chức danh tư pháp công tác;

- “Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” là hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đặc biệt lớn đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần mà tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên; làm oan người vô tội; gây dư luận xấu, bức xúc trong xã hội; hoặc làm mất niềm tin của nhân dân đối với cơ quan Tòa án nhân dân.

3. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về việc phục hồi chức danh cho người bị xử lý trách nhiệm không đúng và cơ quan xử lý sai cần xin lỗi công khai (Tổ 1).

Nội dung này đã được Dự thảo tiếp thu và quy định tại Điều 3. Việc xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp có hành vi sai sót trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao bên cạnh mục đích tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ còn tạo điều kiện để người có hành vi sai sót rèn luyện, trau dồi nghiệp vụ chuyên môn nên các hình thức xử lý trách nhiệm mà Dự thảo quy định không làm mất đi các chức danh tư pháp. Dự thảo bổ sung quy định việc người giữ chức danh tư pháp bị xử lý trách nhiệm nhưng sau đó được cơ quan có thẩm quyền hoặc người có thẩm

quyền kết luận là sai thì người giữ chức danh tư pháp được phục hồi nhiệm vụ, quyền hạn, bảo đảm phù hợp với tinh thần của Nghị định 34/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Có ý kiến cho rằng, cần giải thích thế nào là “rõ ràng sai trong việc đánh giá chứng cứ” được quy định tại (Điều 12) (Tổ 3).

Về nội dung này, Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu, bổ sung vào Dự thảo Quy chế tại khoản 12 Điều 2, cụ thể như sau: “*Rõ ràng sai trong việc đánh giá chứng cứ là việc người giữ chức danh tư pháp đánh giá chứng cứ không đúng theo quy định của pháp luật mà ở mức độ nhận thức bình thường, khi xem xét mọi người đều nhận thấy ngay việc đánh giá chứng cứ như vậy là không đúng theo quy định của pháp luật*”.

5. Có ý kiến cho rằng quy định tại Điều 20 của Dự thảo là không hợp lý, tạo áp lực cho Chánh án, dễ dẫn đến tình trạng báo cáo án, chỉ đạo án (Tổ 3).

Về nội dung này, Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý Dự thảo theo hướng người đứng đầu chỉ chịu trách nhiệm trong công tác chỉ đạo quản lý điều hành. Người đứng đầu là Thẩm phán có tham gia giải quyết, xét xử các vụ việc nếu có bản án, quyết định bị hủy thì đã chịu trách nhiệm với tư cách Thẩm phán. Dự thảo bỏ quy định người đứng đầu phải chịu trách nhiệm nếu “*Tại cơ quan, đơn vị mình quản lý có tổng số bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán chiếm tỷ lệ từ 1,16% trở lên trên tổng số vụ, việc mà cơ quan, đơn vị đã giải quyết, xét xử trong một năm công tác*”, quy định tại Khoản 4 Điều 22. Việc Dự thảo bỏ quy định này đảm bảo nguyên tắc “Thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán” theo quy định của pháp luật tố tụng.

6. Có ý kiến cho rằng: Điều 18 Dự thảo quy định Thẩm tra viên có hành vi báo cáo không đầy đủ đã bị xử lý rồi...”. Quy định không đầy đủ, rất trừu tượng (Tổ 4).

Về nội dung này, Ban soạn thảo tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo như sau: (Dự thảo lần 4 là Điều 19), cụ thể: “*Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, báo cáo sai sự thật về các tài liệu, chứng cứ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xem xét, đánh giá và Quyết định của người có thẩm quyền*”.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ GIẢI TRÌNH

1. Có ý kiến đề nghị quy định trách nhiệm của người có thẩm quyền hủy, sửa bản án, quyết định không đúng pháp luật theo hướng người đó phải chịu trách nhiệm nếu việc hủy, sửa đó không đúng pháp luật (Tổ 1).

Vấn đề này Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Pháp luật tố tụng quy định cấp phúc thẩm có thẩm quyền hủy, sửa bản án sơ thẩm; Cấp giám đốc thẩm có thẩm quyền hủy, sửa bản án đã có hiệu lực pháp luật. Pháp luật tố tụng cũng đã phân cấp giải quyết, Tòa án cấp tỉnh ngoài việc xét xử sơ thẩm một số bản án còn có thẩm quyền xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm của TAND cấp huyện; Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh,

cấp huyện đã có hiệu lực, phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm của TAND tỉnh. Hội đồng Thẩm phán TANDTC giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của TAND cấp cao. Do đó, những Thẩm phán có thẩm quyền phúc thẩm, giám đốc thẩm đã hủy, sửa bản án, quyết định không đúng pháp luật thì sẽ bị Tòa án cấp trên hủy, sửa và họ phải chịu trách nhiệm về việc hủy, sửa đó. Vấn đề này, Dự thảo đã quy định cụ thể trách nhiệm của Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy không đúng tại Điều 12 của Dự thảo Quy chế.

2. Có ý kiến đề nghị xây dựng tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy, sửa cho các ngạch Thẩm phán. Các cấp Tòa án khác nhau thì có tỷ lệ tương ứng khác nhau. Tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy, sửa của Thẩm phán sơ cấp phải khác với Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp; tỷ lệ án hủy, sửa áp dụng đối với Tòa án cấp huyện phải khác với Tòa án cấp tỉnh, cấp cao (Tổ 1).

Về nội dung này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Về tỷ lệ bản án bị hủy, sửa không đúng quy định của pháp luật do lỗi chủ quan của Thẩm phán, Dự thảo đã nghiên cứu, phân loại tỷ lệ dựa trên tổng số vụ, việc được giao giải quyết của Thẩm phán trong một nhiệm kỳ là phù hợp và đảm bảo sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, không cần thiết phải phân loại tỷ lệ bản án bị hủy theo ngạch Thẩm phán, Cao cấp, Trung cấp, Sơ cấp. Mặt khác có Thẩm phán cao cấp lại thực hiện nhiệm vụ của Thẩm phán Trung cấp, Thẩm phán Trung cấp lại thực hiện nhiệm vụ của Thẩm phán sơ cấp, và trong một đơn vị có nhiều ngạch thẩm phán khác nhau; Mỗi ngạch Thẩm phán đều có khó khăn, thuận lợi nhất định khi thực hiện nhiệm vụ xét xử.

3. Về trách nhiệm của thành viên trong hội đồng xét xử (Điều 12), có ý kiến cho rằng: mỗi bản án, quyết định bị hủy (01 vụ, việc) được tính lỗi là 100%, nên xác định trách nhiệm theo nguyên tắc: Thẩm phán chủ tọa chịu trách nhiệm 50%, nghĩa là $\frac{1}{2}$ lỗi; hai Thẩm phán tham gia chịu trách nhiệm 50%, nghĩa là mỗi Thẩm phán chịu trách nhiệm $\frac{1}{4}$ lỗi (Tổ 2).

Về vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Một bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán, thì việc xác định trách nhiệm phụ thuộc vào nhiệm vụ của Thẩm phán là chủ tọa hay thành viên. Để nâng cao ý thức trách nhiệm của Thẩm phán, nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại án, Dự thảo quy định Thẩm phán chủ tọa chịu trách nhiệm 100% (01 vụ, việc; 01 lỗi); các Thẩm phán còn lại chịu trách nhiệm thấp hơn Thẩm phán chủ tọa, nghĩa là mỗi Thẩm phán 50% (1/2 vụ, việc; $\frac{1}{2}$ lỗi) là phù hợp.

4. Có ý kiến cho rằng: Tỷ lệ thi đua khác với tỷ lệ để kỷ luật; trách nhiệm của Thẩm phán tính 2 vụ sửa bằng 1 vụ hủy là không ổn; xác định án treo phải tính bằng số vụ chứ không phải tính bằng số bị cáo (Tổ 2).

Vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau:

- Thực tiễn trong công tác bổ nhiệm lại, bổ nhiệm nâng ngạch Thẩm phán trong thời gian qua, Ban cán sự đảng, Lãnh đạo Tòa án vẫn thống nhất chủ trương căn cứ

tỷ lệ án bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán là 1,16% để xem xét đánh giá, bổ nhiệm lại Thẩm phán; Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia cũng xem xét, lấy tỷ lệ án hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán là 1,16% để làm căn cứ bổ nhiệm hoặc tạm dừng việc bổ nhiệm lại Thẩm phán nhằm mục đích tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ và ý thức trách nhiệm của Thẩm phán. Dự thảo lấy tỷ lệ án hủy 1,16% do lỗi chủ quan làm căn cứ xử lý trách nhiệm của Thẩm phán là phù hợp, tạo cơ sở pháp lý và sự thống nhất trong việc xem xét trách nhiệm của Thẩm phán trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và công tác tái bổ nhiệm, bổ nhiệm nâng ngạch Thẩm phán Tòa án nhân dân hiện nay.

- Quy định của Dự thảo không nhằm mục đích hạn chế việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), đi ngược với chủ trương của cải cách tư pháp. Quy định này, xử lý những trường hợp xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền (hình phạt chính) không đúng theo quy định của pháp luật, Nghị quyết của HĐTPTANDTC.

Việc áp dụng án treo là nhằm cá thể hóa hình phạt đối với bị cáo, không phải đối với vụ án. Do vậy, việc Dự thảo Quy chế quy định xử lý trách nhiệm Thẩm phán trong trường hợp xử phạt tù cho hưởng án treo tính bằng bị cáo là phù hợp. Qua đó tăng cường kỷ luật công vụ, nâng cao chất lượng xét xử.... hạn chế những tiêu cực phát sinh.

- Dự thảo quy tỷ lệ án sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán về tỷ lệ án hủy để đảm bảo thống nhất. Tránh việc không thể xử lý trong trường hợp tỷ lệ án bị hủy, bị sửa đều cao nhưng chưa đến mức quy định bị xử lý trách nhiệm, kỷ luật nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của Thẩm phán.

5. Có ý kiến đề nghị sửa lại tên gọi như sau: Quy chế xử lý vi phạm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các TAND để bao hàm hết nội dung (Tổ 3).

Vấn đề này Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Quy chế này điều chỉnh những hành vi sai sót, hành vi vi phạm pháp luật trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao của người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân. Nội hàm tên gọi “Xử lý trách nhiệm” của Dự thảo đề cập đến vấn đề chịu trách nhiệm của người giữ chức danh tư pháp trong khi thực thi công vụ. Người giữ chức danh tư pháp có hành vi sai sót, hành vi vi phạm do lỗi chủ quan hoặc thiếu ý thức trách nhiệm trong khi thi hành công vụ thì phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Do đó tên gọi như Dự thảo là phù hợp.

6. Có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm của người có thẩm quyền kháng nghị, sau đó rút kháng nghị; trả lời đơn giám đốc thẩm, tái thẩm sau đó lại kháng nghị (Tổ 3).

Về nội dung này Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Việc xử lý trách nhiệm của Thẩm phán có bản án, quyết định bị cấp giám đốc thẩm, tái thẩm hủy chỉ được xem xét khi có Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án có thẩm quyền ban hành

đã có hiệu lực pháp luật. Không xem xét khi mới có quyết định kháng nghị, do vậy, việc Quyết định kháng nghị không ảnh hưởng đến trách nhiệm của Thẩm phán. Trong trường hợp này Thẩm phán vẫn chưa có lỗi. Do đó không cần thiết phải bổ sung điều khoản quy định trách nhiệm của người có thẩm quyền kháng nghị, sau đó rút kháng nghị.

7. Có ý kiến đề nghị làm rõ thế nào là hủy 1 phần bản án (Tổ 3).

Về vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Việc hiểu thế nào là hủy một phần bản án được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng (Điều 310; Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự; Bộ luật tố tụng hình sự, tố tụng hành chính).

8. Có ý kiến đề nghị bổ sung tất cả các loại việc mà luật tố tụng quy định Thẩm phán phải làm để tính chỉ tiêu của Thẩm phán (Tổ 3).

Về nội dung này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Việc tính chỉ tiêu của Thẩm phán để xem xét tính tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy căn cứ vào những vụ, việc thuộc thẩm quyền của Tòa án theo pháp luật tố tụng. Dự thảo đã quy định rõ vấn đề này tại Khoản 10 Điều 1 của Dự thảo Quy chế.

9. Có ý kiến đề nghị cần có phân định rõ án hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán; án bị sửa là sửa có tính căn bản làm thay đổi bản chất nội dung của bản án/quyết định (Tổ 4).

Về vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Dự thảo Quy chế quy định xử lý trách nhiệm đối với những Thẩm phán ban hành bản án, quyết định bị Tòa án cấp có thẩm quyền hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán. Không điều chỉnh đối với những trường hợp bản án, quyết định bị hủy do yếu tố khách quan.

Việc xử lý trách nhiệm của Thẩm phán có bản án, quyết định bị sửa, Dự thảo chỉ điều chỉnh đối với những bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan. Khoản 12 Điều 1 Dự thảo Quy chế giải thích rõ thế nào là Bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng.

10. Có ý kiến cho rằng: Khoản 3 Điều 12 của Dự thảo, không nên đưa tỷ lệ 3% vào cùng với xử oan, bỏ lọt tội phạm bởi vì xử oan, bỏ lọt đã bị xử lý nghiêm trọng rồi (Tổ 4).

Về nội dung này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Những Thẩm phán ra bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên 3% trong một năm công tác là những Thẩm phán còn hạn chế về năng lực chuyên môn. Luật tổ chức Tòa án nhân dân quy định những người được bổ nhiệm Thẩm phán phải là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực công tác. Do vậy, nếu tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xét xử sẽ ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung của Tòa án, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp Thẩm phán xử oan, bỏ lọt tội phạm cũng có tính chất tương tự. Dự thảo quy định những trường hợp này cần bố trí công việc khác là phù hợp.

11. Có ý kiến đề nghị về đối tượng điều chỉnh và phạm vi điều chỉnh, việc tách ra thành 2 nhóm đối tượng là không cần thiết; phần giải thích từ ngữ cần được sửa lại cho chính xác, dựa trên quy định của Luật cán bộ công chức mà quy định tương ứng (Tổ 5).

Về vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Việc xử lý kỷ luật người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân có những hành vi vi phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức; Luật tổ chức Tòa án nhân dân và nghị định 34/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, các quy định này điều chỉnh các đối tượng là công chức trong tất cả các cơ quan Nhà nước và các điều khoản được quy định rất chung. Trong khi đó, tại Tòa án nhân dân một số công chức có chức danh tư pháp khi hoạt động công vụ có tính chất đặc thù là thực hiện quyền tư pháp khi xét xử, ngoài việc chấp hành các quy định của pháp luật về công chức nói chung còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng. Cho đến thời điểm này, Tòa án nhân dân tối cao chưa có quy định về việc xử lý trách nhiệm, kỷ luật đối với đội ngũ công chức giữ chức danh tư pháp, điều này dẫn đến khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng các quy định hiện hành để xử lý vi phạm trong các Tòa án nhân dân.

Việc ban hành Quy chế này nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ trong các Tòa án nhân dân. Xuất phát từ tính chất đặc thù của hoạt động tố tụng. Một số vụ, việc phải giải quyết trong thời gian dài, hành vi vi phạm của công chức khi được phát hiện đã hết thời hiệu xử lý kỷ luật. Do vậy, để nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký, cần thiết phải quy định xử lý trách nhiệm của người giữ chức danh tư pháp về những hành vi sai sót chưa đến mức xử lý kỷ luật.

Dự thảo điều chỉnh những hành vi sai sót bị xử lý trách nhiệm, đồng thời Dự thảo cũng điều chỉnh những hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật. Do đó, để rõ ràng, cụ thể Dự thảo tách phạm vi điều chỉnh thành hai nhóm tương ứng với hai khoản là phù hợp.

Ban soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh lý lại một số thuật ngữ cần giải thích tại Điều 1 cho rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo sự thống nhất.

12. Có ý kiến đề nghị cân nhắc lại các tiêu chí xác định lỗi chủ quan; đề nghị thay cụm từ “lỗi chủ quan của Thẩm phán” bằng cụm từ “lỗi của Thẩm phán” (Tổ 6).

Về nội dung này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Luật Tổ chức Tòa án và pháp luật tố tụng quy định nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán là giải quyết, xét xử các vụ việc theo đúng quy định của pháp luật. Bản án, quyết định của Thẩm phán ban hành bị hủy, sửa do lỗi chủ quan là trách nhiệm của Thẩm phán. Dự thảo Quy chế điều chỉnh đối với những bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán. Không xử lý trách nhiệm của Thẩm phán khi ra bản án, quyết định bị hủy, sửa do yếu tố khách quan.

Dự thảo xác định yếu tố khách quan là : do phát sinh tình tiết mới của vụ, việc mà quá trình giải quyết, xét xử Thẩm phán không thể biết; người tham gia tố tụng thay đổi yêu cầu theo quy định của pháp luật và sự thay đổi đó là căn cứ hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa án; sau khi xét xử sơ thẩm xuất hiện tình tiết mới làm tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình phạt nên dẫn đến hủy, sửa bản án và do chuyển biến tình hình, thay đổi pháp luật dẫn đến hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa án. Quy định của Dự thảo nêu trên là phù hợp với pháp luật về tố tụng và Luật tổ chức Tòa án nhân dân.

Lỗi là ý thức chủ quan, việc sử dụng cụm từ “lỗi chủ quan” là thói quen trong thực tiễn hoạt động tố tụng tư pháp. Trong thời gian qua, Tòa án nhân dân tối cao thường sử dụng cụm từ “lỗi chủ quan” trong nhiều văn bản hướng dẫn về công tác nghiệp vụ, trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và trong việc đánh giá chỉ tiêu thi đua hàng năm. Việc thay đổi ngay hoặc bỏ cụm từ “lỗi chủ quan” dễ gây sự hiểu lầm, không thống nhất trong các Tòa án nhân dân khi triển khai thực hiện.

13. Có ý kiến đề nghị thành lập hội đồng để xem xét trách nhiệm khi án bị hủy (Tổ 7).

Vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Việc xác định lỗi của Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy, sửa căn cứ vào nhận xét, quyết định tại Bản án, quyết định của cấp Tòa án có thẩm quyền đã có hiệu lực là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, không cần thiết phải thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm khi bản án, quyết định bị hủy. Nếu Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy không đồng ý, có quyền khiếu nại đến cấp Tòa án có thẩm quyền để xem xét trước khi ban hành quyết định giám đốc thẩm. Hoặc kiến nghị đến Tòa án nhân dân tối cao để xem xét, giải quyết. Vấn đề này, Dự thảo đã quy định tại Điều 11.

14. Có ý kiến đề nghị không nên quy định việc áp dụng hồi tố đối với bản án, quyết định bị hủy, sửa trước ngày Quy chế này có hiệu lực (Tổ 7)

Vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan là trách nhiệm của Thẩm phán. Kết quả công tác của Thẩm phán không chỉ tính theo năm mà còn tính theo nhiệm kỳ khi xem xét bổ nhiệm lại, bổ nhiệm nâng ngạch. Việc áp dụng nguyên tắc này không làm bất lợi cho Thẩm phán. Hiện nay, Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia vẫn xem xét các bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán để đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Thẩm phán trong công tác bổ nhiệm lại Thẩm phán khi kết thúc nhiệm kỳ. Quy định này của Dự thảo chỉ cụ thể hóa để rõ hơn. Vì vậy, việc xem xét các bản án, quyết định bị hủy trước khi Quy chế này có hiệu lực không phải là hồi tố. Dự thảo quy định việc áp dụng đối với các bản án, quyết định bị hủy, sửa trong nhiệm kỳ trước khi Quy chế này có hiệu lực để xử lý trách nhiệm Thẩm phán trong trường hợp bổ nhiệm nâng ngạch, bổ nhiệm lại khi kết thúc nhiệm kỳ là phù hợp.

15. Có ý kiến cho rằng: đối với việc tạm dừng 06 tháng hoặc 01 năm cần căn cứ vào Luật cán bộ công chức nói chung thì mới có căn cứ để xác định hậu quả của việc tạm dừng, làm rõ khi bị tạm dừng thì làm công việc gì (Tổ 7).

Vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Quy định tạm dừng thực hiện nhiệm vụ xét xử trong 06 tháng đến 01 năm là biện pháp nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của Thẩm phán. Thẩm phán có nhiều hành vi sai sót bị tạm dừng thực hiện nhiệm vụ xét xử, kéo dài thời hạn khi hết nhiệm kỳ không bổ nhiệm lại thẩm phán để bố trí công tác khác cho phù hợp, chứ không phải tạm đình chỉ công tác. Quy định này của Dự thảo phù hợp với quy định của Luật cán bộ công chức về chuyển vị trí công tác đối với công chức.

16. Có ý kiến cho rằng, Dự thảo phải phân biệt tỷ lệ án dân sự, hành chính và phải nâng tỷ lệ này lên (Tổ 9)

Vấn đề này, Ban soạn thảo có ý kiến như sau: Về tính chất thì các loại vụ án khác nhau, quan hệ pháp luật khác nhau, mức độ khó, dễ khác nhau. Mặt khác, một Thẩm phán có thể được giao thực hiện giải quyết, xét xử nhiều loại án. Do vậy, để đảm bảo thống nhất, Dự thảo không phân biệt tỷ lệ các loại án bị hủy là phù hợp. Tránh chồng chéo, khó áp dụng trong thực tiễn.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Tòa án nhân dân về Dự thảo “Quy chế xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân”, Ban soạn thảo trân trọng báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Kính đề nghị Chánh án cho ý kiến chỉ đạo để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các đ. Phó chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Các đồng chí thành viên Hội đồng Thẩm phán TANDTC (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc TANDTC;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC (để đăng);
- Lưu: VP, BTTr.

TM.BAN SOẠN THẢO
TRƯỞNG BAN BAN THANH TRA



Hoàng Văn Hồng

QUY CHẾ

**Xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp
trong các Tòa án nhân dân**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TANDTC ngày .../.../2017 của Chánh
án Tòa án nhân dân tối cao)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh việc xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân có hành vi thiếu trách nhiệm hoặc sai sót trong thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật. Trừ người giữ chức danh tư pháp là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Quy chế này điều chỉnh việc xử lý kỷ luật đối với người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân có hành vi thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Trừ người giữ chức danh tư pháp là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3. Quy chế này không áp dụng đối với hệ thống Tòa án quân sự các cấp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Xử lý trách nhiệm là biện pháp xử lý người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân có hành vi sai sót do thiếu trách nhiệm hoặc sai sót trong khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật.

2. Người giữ chức danh tư pháp trong cơ quan Tòa án nhân dân bao gồm Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Thẩm tra viên và Thư ký.

3. Bản án, quyết định do Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy, sửa là lỗi chủ quan của Thẩm phán trừ những trường hợp sau đây:

a) Do phát sinh tình tiết mới của vụ việc mà quá trình giải quyết, xét xử Thẩm phán không thể biết;

b) Người tham gia tố tụng thay đổi yêu cầu theo quy định của pháp luật và sự thay đổi đó là căn cứ hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa án;

c) Sau khi xét xử sơ thẩm xuất hiện tình tiết mới làm tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình phạt nên dẫn đến hủy, sửa bản án và do chuyển biến tình hình, thay đổi pháp luật dẫn đến hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa án.

4. Kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị là hình thức xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân có hành vi sai sót do thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ; trong đó người bị kiểm điểm phải tự

đánh giá, nhận xét về những hành vi sai sót của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao trước cơ quan, đơn vị mình công tác; tập thể cơ quan, đơn vị đánh giá, góp ý, nhận xét hoặc phê bình để người bị kiểm điểm rút ra những bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục sai sót.

5. Tạm đình chỉ công tác, xét xử là hình thức xử lý trách nhiệm tạm dừng việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong thời hạn 30 ngày đối với người giữ chức danh tư pháp có hành vi sai sót trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Bố trí làm công việc khác là hình thức xử lý trách nhiệm đối với người giữ chức danh tư pháp có hành vi sai sót đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác xét xử nhưng tiếp tục vi phạm hoặc trường hợp có sai sót nghiêm trọng trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán là hình thức xử lý trách nhiệm áp dụng đối với Thẩm phán khi kết thúc nhiệm kỳ có nhiều hành vi sai sót trong khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Thẩm phán bị tạm dừng đề nghị bổ nhiệm lại phải tự kiểm điểm bản thân, trau dồi nghiệp vụ và phải hoàn thành một kỳ thi đánh giá nghiệp vụ xét xử của Thẩm phán do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức.

8. Không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại là hình thức xử lý trách nhiệm áp dụng đối với Thẩm phán khi kết thúc nhiệm kỳ có rất nhiều hành vi sai sót gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân dẫn đến việc Tòa án phải bồi thường, hoặc làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của Tòa án, niềm tin của nhân dân.

10. Thiếu trách nhiệm là việc người giữ chức danh tư pháp trong các Tòa án nhân dân thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao không đầy đủ; không thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ, thủ tục, quy trình, quy phạm; không đúng tiêu chuẩn, điều kiện hoặc thời gian theo quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân về công việc cụ thể đó.

9. Năm công tác của Tòa án nhân dân bắt đầu từ ngày 01/10 của năm trước đến 30/9 của năm sau. Thẩm phán có hành vi sai sót trước đây nhưng tại năm công tác hoặc nhiệm kỳ hiện tại mới phát hiện và hành vi sai sót đó chưa bị xử lý bằng một hình thức trách nhiệm thì hành vi sai sót đó được tính là hành vi xảy ra tại năm công tác hoặc nhiệm kỳ hiện tại của Thẩm phán.

10. Tổng số vụ, việc được giao giải quyết, xét xử trong một năm hoặc trong một nhiệm kỳ là tổng số vụ án hình sự, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và các việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật mà Thẩm phán đã giải quyết, xét xử bao gồm vụ, việc được phân công giải quyết, giao làm chủ tọa và vụ, việc được giao làm thành viên Hội đồng xét xử trong một năm và trong một nhiệm kỳ.

11. Bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng là trường hợp Thẩm phán thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao dẫn đến ra bản án, quyết định bị Tòa án cấp trên sửa trong những trường hợp sau đây:

a) Bản án, quyết định bị sửa về tội danh, thay đổi khung hình phạt;

b) Bản án, quyết định bị sửa một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của đương sự. Ví dụ: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Bản án phúc thẩm xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

12. Rõ ràng sai trong việc đánh giá chứng cứ là việc người giữ chức danh tư pháp đánh giá chứng cứ không đúng theo quy định của pháp luật mà ở mức độ nhận thức bình thường khi xem xét mọi người đều nhận thấy ngay việc đánh giá chứng cứ như vậy là không đúng theo quy định của pháp luật.

13. Hậu quả do hành vi vi phạm của người giữ chức danh tư pháp gây ra:

a) “Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng” là hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị nhưng chưa gây thiệt hại về vật chất, tinh thần; hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi người giữ chức danh tư pháp công tác;

b) “Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng” là hành vi vi phạm làm ảnh hưởng lớn đến quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần mà tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị dưới 50 triệu đồng; hoặc làm giảm uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi người giữ chức danh tư pháp công tác;

c) “Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng” là hành vi vi phạm làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần mà tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng; hoặc làm mất uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi người giữ chức danh tư pháp công tác;

d) “Vi phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” là hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đặc biệt lớn đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần mà tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên; làm oan người vô tội; gây dư luận xấu, bức xúc trong xã hội; hoặc làm mất niềm tin của nhân dân đối với cơ quan Tòa án nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý trách nhiệm, kỷ luật

1. Kịp thời, khách quan, công bằng, nghiêm minh đúng pháp luật.

2. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân chỉ bị xử lý bằng một hình thức.

3. Người giữ chức danh tư pháp có nhiều hành vi vi phạm pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

4. Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của người giữ chức danh tư pháp có hành vi sai sót, vi phạm pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức xử lý trách nhiệm, kỷ luật.

5. Không áp dụng hình thức xử lý trách nhiệm hoặc xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các lợi ích hợp pháp khác của người giữ chức danh tư pháp trong quá trình xử lý trách nhiệm, kỷ luật.

7. Những người bị xử lý trách nhiệm oan sẽ được phục hồi lại nhiệm vụ, quyền hạn và được xem như chưa bị xử lý trách nhiệm.

Điều 4. Các hình thức, hậu quả của việc xử lý trách nhiệm

1. Người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân có hành vi thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật thì có thể bị xử lý trách nhiệm bằng các hình thức sau đây:

- a) Kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị;
- b) Tạm đình chỉ công tác, xét xử;
- c) Bố trí làm công việc khác;
- d) Chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán;
- đ) Không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán;

2. Hậu quả của việc xử lý trách nhiệm

a) Người bị xử lý trách nhiệm quy định tại Điểm b, c, d, đ e, Khoản 1 Điều này không được xem xét, đề nghị người có thẩm quyền khen tặng danh hiệu thi đua từ “Lao động tiên tiến” trở lên trong năm công tác; Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan thì việc xét khen thưởng căn cứ quy định của pháp luật và quy định của Tòa án Tòa án nhân dân tối cao.

b) Người bị xử lý trách nhiệm bằng một trong các hình thức quy định tại Điểm b, c, d, đ Khoản 1 Điều này, ngoài việc chịu hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này, tùy vào tính chất, mức độ vi phạm phải chịu các hậu quả khác như: Không được xem xét quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý; không được xem xét cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị hoặc các hình thức đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài; không được xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý; không được tham gia kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán, kỳ thi chuyên ngạch, nâng ngạch đối với Thư ký, Thẩm tra viên trong thời gian bị xử lý trách nhiệm.

Đối với hình thức trách nhiệm tạm đình chỉ công tác, xét xử; bố trí làm công việc khác thì thời hạn được tính 12 tháng kể từ ngày quyết định tạm đình chỉ công tác, xét xử; bố trí công việc khác có hiệu lực.

c) Người bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán có thời hạn từ 12 tháng trở lên thì bên cạnh việc chịu hậu quả của việc xử lý trách nhiệm theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, còn phải hoàn thành một kỳ thi đánh giá năng lực, chuyên môn do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức. Sau khi hết thời hạn tạm dừng phải có bản tự kiểm điểm đánh giá kết quả rèn luyện, học tập; nhận xét của thủ trưởng đơn vị quản lý. Căn cứ kết quả kiểm điểm của Thẩm phán, Ban Thanh tra và Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp thẩm tra hồ sơ, tham mưu, đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia xem xét, quyết định.

đ) Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán hoặc bị xử lý kỷ luật bằng một trong những hình thức kỷ luật quy định tại Điều 8 Quy chế này, khi kết thúc nhiệm kỳ Thẩm phán tùy theo tính

chất, mức độ của hành vi vi phạm; thái độ khắc phục sửa chữa có thể không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán.

e) Chế độ, chính sách của người giữ chức danh tư pháp bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác được thực hiện theo quy định tại Luật cán bộ, công chức và các văn bản khác có liên quan.

g) Thẩm phán bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán thì được bố trí làm công việc khác.

Điều 5. Thẩm quyền xử lý trách nhiệm

1. Trường hợp Thẩm phán giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý là Chánh án, thì Chánh án Tòa án cấp trên quản lý trực tiếp có thẩm quyền xử lý và quyết định hình thức xử lý trách nhiệm (đối với Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xử lý và quyết định hình thức xử lý trách nhiệm).

2. Đối với Phó Chánh án, Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khác hoặc Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, bổ nhiệm (chức vụ) hoặc được phân cấp quản lý tiến hành xử lý trách nhiệm và quyết định hình thức xử lý trách nhiệm.

3. Trường hợp Thẩm phán có hành vi sai sót bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

4. Đối với người giữ chức danh tư pháp biệt phái, thì người đứng đầu cơ quan nơi người giữ chức danh tư pháp được cử đến công tác có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, quyết định hình thức xử lý trách nhiệm và gửi hồ sơ, quyết định xử lý trách nhiệm về cơ quan quản lý người giữ chức danh tư pháp biệt phái. Trường hợp người giữ chức danh tư pháp biệt phái là Thẩm phán trung cấp, lãnh đạo Tòa chuyên trách, lãnh đạo phòng của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện lập hồ sơ gửi về lãnh đạo Tòa án cấp tỉnh xử lý.

5. Đối với Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký đã chuyển công tác mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án, thì người đứng đầu cơ quan quản lý Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký nơi xảy ra vi phạm có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, quyết định hình thức xử lý trách nhiệm và gửi hồ sơ, quyết định xử lý trách nhiệm về cơ quan đang quản lý Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký.

6. Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký có hành vi vi phạm trong khi thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; việc thực hiện quy tắc ứng xử, tác phong, đạo đức, lối sống được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoặc qua đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng thì Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao; đơn vị thực hiện chức năng thanh tra – tổ chức tại Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét xử lý trách nhiệm.

Điều 6. Trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị; tạm đình chỉ công tác và bố trí làm công việc khác

1. Người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Quy chế này chịu trách nhiệm tổ chức cuộc họp để người có hành vi sai sót tự kiểm điểm và nhận hình thức trách nhiệm. Việc tổ chức cuộc họp kiểm điểm được tiến hành như sau:

a) Trường hợp cơ quan sử dụng người giữ chức danh tư pháp có đơn vị trực thuộc thì tổ chức cuộc họp kiểm điểm với thành phần dự họp bao gồm đại diện lãnh đạo chính quyền, cấp ủy, công đoàn của cơ quan sử dụng người giữ chức danh tư pháp và toàn thể công chức, viên chức, người lao động của đơn vị trực thuộc. Biên bản cuộc họp kiểm điểm ở đơn vị trực thuộc được gửi đến người đứng đầu cơ quan sử dụng người giữ chức danh tư pháp;

b) Trường hợp cơ quan sử dụng người giữ chức danh tư pháp không có đơn vị trực thuộc thì tổ chức cuộc họp kiểm điểm với thành phần dự họp là toàn thể công chức, viên chức và người lao động của cơ quan sử dụng người giữ chức danh tư pháp.

2. Đối với người đứng đầu có hành vi sai sót thì người đứng đầu cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ quan sử dụng người giữ chức danh tư pháp có trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm và quyết định thành phần dự họp.

3. Người có hành vi sai sót phải làm bản tự kiểm điểm, trong đó tự nhận hình thức trách nhiệm. Trường hợp người có hành vi sai sót vắng mặt sau 02 lần thông báo triệu tập họp lệ mà không có lý do chính đáng thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành. Trường hợp người bị kiểm điểm vắng mặt thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cuộc họp kiểm điểm, biên bản cuộc họp phải được gửi cho người bị kiểm điểm.

4. Nội dung cuộc họp kiểm điểm người có hành vi sai sót quy định tại Điều này phải được lập thành biên bản. Biên bản các cuộc họp kiểm điểm phải có kiến nghị áp dụng hình thức xử lý trách nhiệm đối với người có hành vi vi phạm. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp kiểm điểm, biên bản cuộc họp kiểm điểm của cơ quan sử dụng người giữ chức danh tư pháp phải được gửi đến người có thẩm quyền xử lý trách nhiệm theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

5. Việc xử lý trách nhiệm đối với người có hành vi vi phạm Quy chế này phải được thể hiện bằng văn bản. Riêng hình thức tạm đình chỉ công tác, bố trí làm công việc khác phải bằng hình thức Quyết định.

Điều 7. Trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc không xem xét bổ nhiệm lại Thẩm phán

1. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng Thẩm phán tổ chức cuộc họp kiểm điểm. Thành phần tham dự bao gồm tập thể lãnh đạo, đại diện cấp ủy, công đoàn của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng Thẩm phán. Thẩm phán có hành vi vi phạm đọc bản tự kiểm điểm; cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng Thẩm phán nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ hành vi vi phạm của Thẩm phán, đề nghị thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc kiến nghị không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại đối với Thẩm phán. Hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm Thẩm phán gửi đến Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Ban Thanh tra) để thẩm tra.

Đối với Thẩm phán trung cấp, sơ cấp đang công tác tại Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức cuộc họp kiểm điểm. Lập hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm gửi đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh có văn bản đánh giá, nhận xét, kiến nghị gửi kèm hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm đến Tòa án nhân dân tối cao (qua Ban Thanh tra) để thẩm tra.

2. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xử lý trách nhiệm Thẩm phán của Tòa án nhân dân trực tiếp quản lý, sử dụng Thẩm phán gửi đến; hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát Thẩm phán, nếu phát hiện Thẩm phán thuộc trường hợp sẽ bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại hoặc không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại thì Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao phối hợp Vụ Tổ chức – Cán bộ và đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng Thẩm phán thẩm tra hồ sơ giám sát Thẩm phán, nghiên cứu, đề xuất Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia xem xét, quyết định.

3. Căn cứ kết quả tại phiên họp của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán Quốc gia, Vụ tổ chức cán bộ phối hợp với Ban Thanh tra thông báo đến Chánh án Tòa án nhân dân trực tiếp quản lý, sử dụng Thẩm phán có hành vi vi phạm biết để thực hiện và lưu hồ sơ giám sát Thẩm phán.

Điều 8. Hình thức, hậu quả của việc xử lý kỷ luật

1. Các hình thức kỷ luật:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức (áp dụng đối với người giữ chức danh tư pháp giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý);
- đ) Cách chức (áp dụng đối với người giữ chức danh tư pháp giữ chức vụ lãnh đạo quản lý; người giữ chức danh tư pháp là Thẩm phán);
- e) Buộc thôi việc.

2. Hậu quả của việc xử lý kỷ luật

a) Người bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách đến cách chức thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; hết thời hạn này, nếu không vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì tiếp tục thực hiện nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật;

b) Người bị xử lý kỷ luật không được xét thi đua trong năm có quyết định thi hành kỷ luật, bị kéo dài thời hạn nâng lương tùy thuộc hình thức kỷ luật đã áp dụng theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức và Bộ luật lao động đồng thời trong năm đó bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ;

c) Người đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật thì không được ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng

ngạch, chuyển ngạch;

d) Người đang nghỉ công tác chờ làm thủ tục hưu trí mà bị phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian thi hành công vụ thì cơ quan, tổ chức, đơn vị dừng việc giải quyết thủ tục hưu trí cho đến thời điểm có quyết định kỷ luật hoặc có kết luận người giữ chức danh tư pháp không vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền xử lý kỷ luật;

đ) Người bị kỷ luật cách chức do tham nhũng thì không được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý;

e) Xem xét việc không bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ quản lý, chức danh tư pháp theo quy chế, quy định của Tòa án về công tác tổ chức cán bộ;

g) Người bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ được bổ nhiệm; người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý bằng hình thức kỷ luật buộc thôi việc thì đương nhiên thôi giữ chức danh tư pháp, chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Điều 9. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật, các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật, miễn trách nhiệm kỷ luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật

Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật, nguyên tắc xử lý kỷ luật, các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật, miễn kỷ luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật áp dụng tương ứng theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Bộ luật lao động, Luật tổ chức Tòa án nhân dân hiện hành, các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và của Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 10. Xác định lỗi, tính chất, mức độ hậu quả của hành vi vi phạm

1. Việc xác định lỗi, tính chất, mức độ hậu quả của hành vi vi phạm là ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do Hội đồng kỷ luật hoặc do người có thẩm quyền xử lý trách nhiệm, kỷ luật (trong trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật) xem xét, quyết định trên cơ sở quy định của pháp luật và quy chế, quy định của Tòa án nhân dân, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Tòa án nhân dân, tình hình chính trị tại địa phương, thiệt hại xảy ra trên thực tế và mức độ ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan, đơn vị và của bản thân người vi phạm.

2. Việc xác định lỗi, tính chất, mức độ hậu quả đối với bản án, quyết định bị hủy, sửa căn cứ vào nhận xét, đánh giá của bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền đã hủy, sửa bản án, quyết định đó và thiệt hại xảy ra trên thực tế.

Điều 11. Trình tự thủ tục xem xét kiến nghị đối với bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

1. Thẩm phán có bản án, quyết định bị Tòa án cấp trên hủy, sửa do lỗi chủ quan, nếu không đồng ý với nhận xét, quyết định của Tòa án cấp trên đã hủy, sửa thì được quyền kiến nghị đến Tòa án nhân dân tối cao để xem xét, giải quyết.

2. Trình tự, thủ tục kiến nghị, xem xét đơn kiến nghị của Thẩm phán đối với bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan thực hiện như sau:

a) Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan có đơn đề nghị, gửi kèm theo bản án, quyết định bị hủy, sửa và các tài liệu có liên quan đến Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được đơn kiến nghị và các tài liệu gửi kèm theo của Thẩm phán, Ban Thanh tra nghiên cứu, xây dựng tờ trình báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định;

c) Sau khi có ý kiến kết luận của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc người được Chánh án ủy quyền kết luận về việc xem xét việc kiến nghị của Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan, Ban Thanh tra có văn bản thông báo đến Thẩm phán có đơn kiến nghị được biết và lưu hồ sơ giám sát Thẩm phán.

CHƯƠNG II

XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI GIỮ CHỨC DANH TƯ PHÁP

Mục 1:

XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM THẨM PHÁN

Điều 12. Trách nhiệm của Thẩm phán khi ra bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan

Thẩm phán ra bản án hoặc quyết định bị hủy do lỗi chủ quan nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý như sau:

1. Trong một năm công tác, Thẩm phán có tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan từ 1,16% đến dưới 2% so với tổng số vụ, việc đã tham gia giải quyết, xét xử thì bị xử trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị.

2. Trong một năm công tác, Thẩm phán có tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan từ 2% đến dưới 3% so với tổng số vụ, việc đã tham gia giải quyết, xét xử thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ xét xử 01 tháng.

3. Thẩm phán có hành vi sai sót nghiêm trọng thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác:

a) Thẩm phán đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác 01 tháng nhưng trong năm tiếp theo tiếp tục ra bản án, quyết định bị hủy chiếm tỷ lệ từ 1,16% đến dưới 3%;

b) Trong một năm công tác có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ từ 3% trở lên so với tổng số vụ việc đã tham gia giải quyết, xét xử;

c) Ra bản án tuyên bị cáo phạm tội, nhưng sau đó có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận bị cáo đó không phạm tội;

d) Trong một năm công tác có vụ việc bỏ lọt tội phạm đối với 01 bị cáo do lỗi chủ quan của Thẩm phán trong trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Thẩm phán xét xử bị cáo không có tội nhưng sau đó Tòa án cấp trên xét xử và kết án bị cáo có tội

đ) Ra bản án, quyết định sai gây thiệt hại làm cho Tòa án phải bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường Nhà nước;

e) Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy vì rõ ràng sai trong việc: đánh giá chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng tố tụng, áp dụng sai pháp luật gây thiệt hại đến tài sản Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín Tòa án.

4. Các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 và Điểm a khoản 3 Điều này, nếu trong một năm công tác, Thẩm phán có tổng số vụ, việc được giao giải quyết xét xử dưới 100 vụ, việc thì mỗi bản án, quyết định (01 vụ, việc) bị hủy được tính tỷ lệ bằng 1%.

5. Trong nhiệm kỳ, Thẩm phán có tỷ lệ bản án, quyết định bị Tòa án cấp trên hủy do lỗi chủ quan trong các trường hợp sau đây thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại

a) Thẩm phán có tổng số vụ, việc được giao giải quyết, xét xử dưới 100 vụ, việc nếu trong đó số vụ, việc bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ từ 1,2 % đến dưới 3% trên tổng số vụ việc đã giải quyết, xét xử. Trong trường hợp này, mỗi bản án, quyết định (01 vụ, việc) bị hủy được tính tỷ lệ bằng 01%;

b) Thẩm phán có tổng số vụ, việc được giao giải quyết, xét xử từ 100 vụ, việc trở lên nếu trong đó số vụ, việc bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ từ 1,16% đến dưới 3% trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử;

6. Trong nhiệm kỳ, Thẩm phán có một trong những sai sót sau đây thì không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán.

a) Tổng số bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan chiếm tỷ lệ trên 3% so với tổng số vụ việc đã giải quyết, xét xử;

b) Thẩm phán có một trong những hành vi sai sót quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 3 Điều này.

7. Việc xác định trách nhiệm của các Thẩm phán trong Hội đồng giải quyết, xét xử được thực hiện như sau:

a) Đối với Thẩm phán chủ tọa có 01 bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan thì tính là 01 vụ, việc. Trừ trường hợp Thẩm phán có quan điểm khác với Hội đồng xét xử và được bảo lưu ý kiến trong biên bản nghị án;

b) Đối với các Thẩm phán còn lại, mỗi bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan thì tính bằng $\frac{1}{2}$ vụ, việc. Trừ trường hợp Thẩm phán có quan điểm khác với Hội đồng xét xử và được bảo lưu ý kiến trong biên bản nghị án;

c) Trường hợp hủy một phần bản án, quyết định do lỗi chủ quan thì tính bằng $\frac{1}{2}$ vụ, việc đối với Thẩm phán chủ tọa; $\frac{1}{4}$ vụ việc đối với Thẩm phán thành viên khác;

d) Tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan phải được tính trên tổng số vụ việc mà Thẩm phán đó làm chủ tọa phiên tòa, phân công giải quyết và tham gia Hội đồng xét xử. Việc xác định số vụ, việc đã giải quyết, xét xử của các Thẩm phán là thành viên hội đồng xét xử theo phương thức như sau: Đối với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, mỗi vụ việc đã giải quyết, xét xử được tính là 01 vụ, việc. Đối với Thẩm phán khác được tính là $\frac{1}{2}$ vụ, việc.

Điều 13. Quy định về thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán

Thời gian Thẩm phán chưa được xem xét đề nghị bổ nhiệm lại theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 của Quy chế này được xác định như sau:

1. Trường hợp Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ 1,16% đến 1,2% thì bị tạm dừng đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 06 tháng.
2. Trường hợp Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 1,2 % đến 1,5 % thì bị tạm dừng đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 09 tháng.
3. Trường hợp Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 1,5% đến 2% thì bị tạm dừng đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 12 tháng.
4. Trường hợp Thẩm phán có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan trên tổng số vụ, việc đã giải quyết, xét xử trong nhiệm kỳ chiếm tỷ lệ từ trên 2% đến dưới 3% thì bị tạm dừng đề nghị bổ nhiệm lại trong thời hạn 18 tháng.

Điều 14. Trách nhiệm của Thẩm phán khi ra bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ, việc nhưng ra bản án hoặc quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan nhưng chưa đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này. Trách nhiệm đối với 1 bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan của Thẩm phán tính bằng $\frac{1}{2}$ bản án, quyết định bị hủy.

Điều 15. Trách nhiệm của Thẩm phán ra bản án, quyết định bị hủy, bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan

Trong một năm hoặc trong một nhiệm kỳ, Thẩm phán vừa có bản án, quyết định bị hủy do lỗi chủ quan, vừa có bản án, quyết định bị sửa nghiêm trọng do lỗi chủ quan nhưng chưa tới mức quy định bị xử lý trách nhiệm thì xử lý trách nhiệm theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của Thẩm phán trong trường hợp nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vụ việc; ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ việc không có căn cứ; chậm đưa vụ việc ra giải quyết, xét xử; chậm cấp trích lục, giao hoặc gửi bản án không đúng quy định của pháp luật; bản án được phát hành, đăng công khai có nhiều sai sót, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của Tòa án

1. Thẩm phán có hành vi nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vụ việc thuộc Thẩm quyền của Tòa án nhân dân; trả lại đơn khởi kiện không đúng quy định của pháp luật thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan đơn vị, cụ thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Trường hợp Thẩm phán khi xử lý đơn khởi kiện trễ quá thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được phân công;

b) Trường hợp Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ việc chậm quá thời hạn 07 ngày làm việc khi đương sự có đủ điều kiện cần thiết để thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện không đúng quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Thẩm phán có hành vi ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ việc không có căn cứ thì bị xử lý trách nhiệm như sau:

a) Thẩm phán ra từ một đến hai quyết định tạm đình chỉ xét xử, giải quyết vụ việc không có căn cứ thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị;

b) Thẩm phán đã bị kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng tiếp tục vi phạm; hoặc ra từ hai quyết định tạm đình chỉ xét xử, giải quyết vụ việc không có căn cứ; hoặc một quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ việc nhưng gây thiệt hại về tài sản của đương sự trong vụ án thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác 01 tháng.

3. Thẩm phán được phân công xét xử các vụ việc hình sự, hành chính; giải quyết vụ việc dân sự nhưng để quá hạn luật định thì xử lý trách nhiệm như sau:

a) Để một vụ, việc quá hạn dưới 09 tháng kể từ ngày hết thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không có lý do chính đáng thì bị kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị;

b) Để từ hai vụ, việc trở lên quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng hoặc 01 vụ, việc quá hạn từ 09 tháng trở lên kể từ ngày hết thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không có lý do chính đáng thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị và không được phân công giải quyết vụ việc mới cho đến khi giải quyết xong các vụ, việc quá hạn;

c) Để từ hai vụ, việc trở lên quá thời hạn 01 năm trở lên kể từ ngày hết thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không có lý do chính đáng thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác 01 tháng;

d) Trước khi hết nhiệm kỳ, Thẩm phán để từ 03 vụ, việc trở lên quá thời hạn 01 năm trở lên nhưng không có lý do chính đáng thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán trong thời hạn 12 tháng.

4. Thẩm phán có hành vi chậm cấp trích lục, giao hoặc gửi bản án không đúng quy định của pháp luật thì bị kiểm điểm trước cơ quan đơn vị. Trường hợp chậm cấp trích lục, giao hoặc gửi bản án không đúng quy định của pháp luật gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có liên quan thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác 01 tháng.

5. Thẩm phán thiếu trách nhiệm trong việc phát hành, có bản án đăng công khai còn có nhiều sai sót, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của Tòa án thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị.

Điều 17. Trách nhiệm của Thẩm phán trong trường hợp áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật.

Thẩm phán áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật thì xử lý như sau:

1. Trong một năm, Thẩm phán áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đối với 01 bị cáo thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị.

2. Trong một năm, Thẩm phán áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đối với 02 bị cáo thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác 01 tháng.

3. Thẩm phán có hành vi sai sót nghiêm trọng thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác:

a) Trong một năm, Thẩm phán áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ xét xử nhưng sau đó tiếp tục xét xử cho 01 đến 02 bị cáo hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật;

b) Trong một năm, Thẩm phán áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đối với 03 bị cáo trở lên;

c) Trong một năm, Thẩm phán áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đối với 01 bị cáo phạm tội tham nhũng hoặc đối với bị cáo phạm tội khác nhưng gây dư luận xấu.

5. Khi kết thúc nhiệm kỳ, Thẩm phán áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật thì thời gian chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán được thực hiện như sau:

a) Áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đối với 01 bị cáo thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán trong thời hạn 12 tháng;

b) Áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng quy định của pháp luật đối với 02 bị cáo thì chưa xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán trong thời hạn 18 tháng.

6. Trong một nhiệm kỳ, Thẩm phán có hành vi sau đây thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức không xem xét đề nghị bổ nhiệm lại Thẩm phán:

a) Áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ không đúng theo quy định của pháp luật đối với 03 bị cáo trở lên;

b) Áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (hình phạt chính), cải tạo không giam giữ rõ ràng không đúng theo quy định của pháp luật đối với bị cáo phạm tội tham nhũng hoặc đối với bị cáo phạm tội khác nhưng gây dư luận xấu.

Điều 18. Trách nhiệm của Thẩm phán ra hoặc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật

1. Thẩm phán ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật hoặc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đúng quy định của pháp luật thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị.

2. Thẩm phán ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật hoặc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đúng quy định của pháp luật gây thiệt hại phải bồi thường theo Luật bồi thường Nhà nước thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác 01 tháng.

3. Thẩm phán đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ xét xử một tháng nhưng sau đó tiếp tục ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật hoặc không ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đúng quy định của pháp luật thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác.

Mục 2:

XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM THẨM TRA VIÊN, THƯ KÝ

Điều 19. Thẩm tra viên vi phạm trong khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao

1. Thẩm tra viên có một trong những hành vi sau đây, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì có thể bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị:

a) Không hoàn thành chỉ tiêu công tác chuyên môn, nghiệp vụ hàng tháng, quý, năm theo quy định của cơ quan, đơn vị mà không có lý do chính đáng;

b) Vi phạm trong việc yêu cầu, thu thập, tiếp nhận các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp theo quy định của pháp luật tố tụng;

c) Thiếu trách nhiệm trong việc xây dựng tờ trình, dự thảo các quyết định, báo cáo, công văn và các văn bản khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm tra viên;

d) Đem hồ sơ vụ án, tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan hoặc sao chụp hồ sơ tài liệu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền;

đ) Thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về cấp, giao, gửi hoặc thông báo các quyết định, văn bản tố tụng, văn bản thi hành án hình sự gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự; bị cáo, người bị kết án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

e) Vi phạm các quy định khác của pháp luật, quy định của Tòa án nhân dân tối cao về chức trách, nhiệm vụ của Thẩm tra viên.

2. Thẩm tra viên có một trong những hành vi sau đây có thể bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác 01 tháng:

a) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, báo cáo sai sự thật về các tài liệu, chứng cứ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xem xét, đánh giá và Quyết định của người có thẩm quyền

b) Thiếu trách nhiệm dẫn đến có 01 báo cáo kết quả thẩm tra không phát hiện, đề xuất hoặc không đề xuất kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật nghiêm trọng dẫn đến vụ, việc có vi phạm nhưng không khắc phục được;

c) Thiếu trách nhiệm dẫn đến có 01 hồ sơ vụ, việc quá hạn giám đốc thẩm, tái thẩm dẫn đến vụ, việc không thể kháng nghị hoặc ra văn bản trả lời cho đương sự;

d) Vi phạm trong tham mưu, đề xuất người có thẩm quyền ban hành quyết định hoãn thi hành án dân sự trái quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự;

đ) Thiếu trách nhiệm không kịp thời tham mưu, đề xuất hoặc tham mưu, đề xuất sai dẫn đến người có thẩm quyền không ban hành hoặc ban hành 01 quyết định thi hành án, quyết định thi hành án phạt tù, quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, quyết định giảm hoặc miễn thời gian chấp hành hình phạt tù; các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Tòa án trái quy định của pháp luật;

3. Thẩm tra viên có một trong những hành vi vi phạm đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác nhưng sau đó tiếp tục vi phạm một trong những quy định tại khoản 2 Điều này thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác.

Điều 20. Thư ký vi phạm trong khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao

1. Thư ký có một trong những hành vi sau đây, gây hậu quả ít nghiêm trọng có thể bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị:

a) Từ chối nhận đơn trong trường hợp được người có thẩm quyền phân công không thuộc các trường hợp được từ chối theo quy định của pháp luật;

b) Không ghi biên bản, biên nhận, giấy hẹn cho người nộp đơn, không ghi số nhận đơn hoặc không chuyển đơn cho người có thẩm quyền xem xét theo quy định làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đương sự;

c) Đem hồ sơ vụ án, tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan hoặc sao chụp hồ sơ tài liệu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền;

d) Thiếu trách nhiệm trong khi thực hiện quy định về cấp, giao, gửi hoặc thông báo các quyết định, văn bản tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự; bị cáo, người bị kết án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

đ) Ghi không đầy đủ, không đúng sự thật diễn biến tại phiên tòa, phiên hòa giải, phiên họp, biên bản lấy lời khai và các loại biên bản khác khi được người có thẩm quyền phân công;

e) Vi phạm các quy định khác của pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân về chức trách, nhiệm vụ của Thư ký.

2. Thư ký có một trong những hành vi sau đây có thể bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác 01 tháng:

a) Thiếu trách nhiệm, dẫn đến trong một năm công tác có từ 02 hành vi vi phạm ghi không đầy đủ, không đúng sự thật mọi diễn biến tại phiên tòa, phiên hòa

giải, phiên họp, biên bản lấy lời khai và các loại biên bản khác khi được người có thẩm quyền phân công làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cơ quan, tổ chức.

b) Thiếu trách nhiệm, dẫn đến trong một năm công tác có từ 02 hành vi vi phạm quy định về cấp, giao, gửi hoặc thông báo các quyết định, văn bản tố tụng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ, việc.

3. Thư ký có một trong những hành vi vi phạm đã bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức tạm đình chỉ công tác nhưng sau đó tiếp tục vi phạm một trong những quy định tại khoản 2 Điều này thì bị xử lý trách nhiệm bằng hình thức bố trí làm công việc khác.

Mục 3:

XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Điều 21. Xử lý trách nhiệm bằng hình thức kiểm điểm trước cơ quan, đơn vị đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị có một trong những hành vi sai sót trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành sau đây:

1. Để xảy ra trường hợp nhận, xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân; trả lại đơn không đúng quy định của pháp luật; chậm cấp trích lục, giao hoặc gửi bản án không đúng quy định của pháp luật tại cơ quan, đơn vị mình quản lý; bản án được phát hành, đăng công khai có nhiều sai sót, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của Tòa án.

2. Để xảy ra các vụ, việc chậm đưa ra giải quyết theo quy định của pháp luật tại cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Để xảy ra các vụ, việc tạm đình chỉ giải quyết không có căn cứ theo quy định của pháp luật tại cơ quan, đơn vị mình quản lý.

4. Thiếu trách nhiệm, sai sót trong việc tổ chức công tác xét xử của Tòa án nhân dân cấp mình quản lý.

Điều 22. Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra vi phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị mình quản lý có liên quan đến tiêu cực, tham nhũng

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có người giữ chức danh tư pháp thuộc quyền quản lý thực hiện hành vi vi phạm liên quan đến tiêu cực, tham nhũng thì xử lý theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng và các quy định khác có liên quan.

CHƯƠNG III.

XỬ LÝ KỶ LUẬT NGƯỜI GIỮ CHỨC DANH TƯ PHÁP

Điều 23. Người có một trong những hành vi vi phạm sau đây gây hậu quả ít nghiêm trọng có thể bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách

1. Khi giải quyết, xét xử người giữ chức danh tư pháp có các hành vi như: mặc không đúng trang phục xét xử; ngủ gật; sử dụng điện thoại di động để nghe, gọi; hút thuốc; uống rượu, bia, đồ uống có cồn khác hoặc các hành vi khác làm ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm của phiên tòa, uy tín của Tòa án đã được người có thẩm quyền nhắc nhở nhưng tiếp tục vi phạm.

2. Cố ý để vợ (chồng), bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ (chồng), con, anh chị em ruột của mình tham gia bào chữa hoặc tư vấn đối với những vụ, việc được phân công giải quyết.

3. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng.

5. Tiếp bị can, bị cáo, đương sự hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ, việc mình có trách nhiệm giải quyết tại địa điểm, thời gian không đúng quy định của pháp luật.

6. Che giấu sự thật để không phải từ chối hoặc phải thay đổi trong quá trình tiến hành tố tụng đối với vụ, việc được phân công giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Viết đơn, thư nặc danh, mạo danh, lợi dụng danh nghĩa tập thể để tố cáo không đúng sự thật, gây mất đoàn kết nội bộ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.

8. Vi phạm quy định về bảo vệ bí mật trong việc tiếp nhận, theo dõi, quản lý, chuyển giao, gửi hiện vật, tài liệu được đóng dấu mật, tuyệt mật, tối mật hoặc những việc chưa được phép công bố hoặc công khai.

9. Cố ý làm lộ thông tin về nghiệp vụ trong quá trình giải quyết vụ, việc cho người không có trách nhiệm;

10. Mang hồ sơ, tài liệu ra khỏi cơ quan không phải vì thực hiện nhiệm vụ được giao mà không được sự đồng ý của người có thẩm quyền.

11. Thiếu trách nhiệm dẫn đến hư hỏng, mất, thất lạc hồ sơ, tài liệu, vật chứng, chứng cứ của vụ án nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

12. Cố ý không thực hiện quy định về cấp, giao, gửi hoặc thông báo các quyết định, văn bản tố tụng.

13. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 3 đến dưới 5 ngày làm việc trong một tháng.

14. Sửa chữa, làm thay đổi quy cách, kiểu dáng, màu sắc, chất liệu trang phục xét xử, giấy chứng minh chức danh tư pháp trái quy định; Sử dụng giấy chứng minh chức danh tư pháp, trang phục xét xử vào việc riêng hoặc việc trái pháp luật khác.

15. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quy định khác của pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân về nhiệm vụ và quyền hạn của người giữ chức danh tư pháp trong khi thực hiện công vụ gây hậu quả ít nghiêm trọng.

Điều 24. Người có một trong những hành vi vi phạm sau đây gây hậu quả nghiêm trọng có thể bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc hạ bậc lương

1. Thiếu trách nhiệm làm mất tài liệu, hồ sơ vụ, việc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.
2. Tiếp bị can, bị cáo, đương sự hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại địa điểm, thời gian không đúng quy định gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín của Tòa án nhân dân.
3. Gặp gỡ, ăn uống với đương sự trong vụ, việc mà mình được giao giải quyết, xét xử làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ, việc hoặc ảnh hưởng tới uy tín của Tòa án nhân dân.
4. Sử dụng trái phép thông tin, tài liệu của cơ quan, đơn vị để vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác.
5. Thiếu trách nhiệm trong việc tham mưu, đề xuất với người có thẩm quyền dẫn đến ban hành các quyết định, văn bản trái quy định của pháp luật và Quy định của Tòa án nhân dân.
6. Không chấp hành quyết định điều động, phân công nhiệm vụ, quyết định kỷ luật mà không có lý do chính đáng.
7. Cung cấp, tiết lộ trái quy định những thông tin, tài liệu, hiện vật thuộc phạm vi bí mật của Nhà nước, của Tòa án cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
8. Phổ biến, tuyên truyền, viết, đăng tải thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật của Nhà nước, của Tòa án không đúng đối tượng, phạm vi, thời điểm được phổ biến hoặc công bố.
9. Tự ý nghỉ việc tổng số từ 05 đến dưới 07 ngày làm việc trong một tháng.
10. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp, khai gian dối về lý lịch cá nhân để được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, được dự thi nâng ngạch công chức, bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác, nâng lương hoặc được hưởng chế độ, chính sách trái quy định.
11. Không thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao mà không có lý do chính đáng, gây ảnh hưởng đến công việc chung của cơ quan, đơn vị.
12. Vi phạm một trong những quy định tại Điều 22 của Quy chế này nhưng gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 25. Người có một trong những hành vi vi phạm sau đây có thể bị xử lý kỷ luật bằng hình thức giáng chức hoặc cách chức

1. Tư vấn cho bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết, xét xử vụ, việc hoặc những việc khác không đúng quy định của pháp luật.
2. Nhận tiền hoặc lợi ích vật chất khác nhưng chưa đến mức xử lý trách nhiệm hình sự để giải quyết hoặc tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ, việc trái quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Tòa án nhân dân.

3. Môi giới, đưa, nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trong tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, bố trí công tác, nâng ngạch trái quy định.

4. Thiếu trách nhiệm làm mất hồ sơ vụ, việc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ, việc.

5. Tổ chức, tham gia đánh bạc, gá bạc hoặc các tệ nạn xã hội khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Có hành vi gây rối trật tự tại cơ quan, đơn vị hoặc nơi công cộng gây ảnh hưởng đến uy tín của cá nhân hoặc của Tòa án nhân dân.

7. Sử dụng giấy tờ chứng chỉ, bằng cấp không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ.

8. Bị phạt tù cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

9. Vi phạm một trong những quy định tại Điều 23 của Quy chế này nhưng gây hậu quả rất nghiêm trọng.

10. Thẩm phán có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức Thẩm phán được thực hiện theo quy định của Luật cán bộ công chức; Luật tổ chức Tòa án nhân dân và các văn bản khác có liên quan.

Điều 26. Người có một trong những hành vi vi phạm sau đây gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng có thể bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc

1. Bị phạt tù mà không được hưởng án treo.

2. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống Tòa án nhân dân.

3. Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

4. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 07 ngày làm việc trở lên trong một tháng hoặc từ 20 ngày làm việc trở lên trong một năm mà được cơ quan sử dụng người giữ chức danh tư pháp thông báo bằng văn bản 03 lần liên tiếp.

5. Vi động cơ chính trị phát tán thông tin, tài liệu, hiện vật có nội dung thuộc bí mật của Nhà nước, bí mật của Tòa án trên mạng viễn thông, Internet và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

6. Vi phạm một trong những quy định tại Điều 24 của Quy chế này nhưng gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Những hành vi vi phạm trước ngày Quy chế này có hiệu lực sẽ không bị xem xét xử lý kỷ luật.

3. Đối với các bản án, quyết định đã giải quyết, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm bị Tòa án cấp trên hủy, sửa trước ngày Quy chế này có

hiệu lực vẫn được xem xét để xử lý trách nhiệm đối với Thẩm phán khi bổ nhiệm nâng ngạch, bổ nhiệm lại Thẩm phán.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt và triển khai thực hiện Quy chế này đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý.

2. Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định./.